



Tuần 09 (28/02-04/03/22)

BSC WEEKLY REVIEW

Đánh giá tác động chiến dịch quân sự giữa Nga - Ukraine đến kinh tế và TTCK



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh mua tại nhịp rung lắc mạnh*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá tác động chiến dịch quân sự giữa Nga - Ukraine đến kinh tế và TTCK*
3. PTKT VN-INDEX: *Biên độ dần thu hẹp, VN-Index biến động từ 1,485 - 1,515 điểm*
4. TIN VĨ MÔ: *Hoa Kỳ và các nước đồng minh cấm vận kinh tế Nga*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *5/5 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dầu khí 7.05%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF Diamond, Fubon, Finlead tăng quy mô*
8. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: *DGW, PHP*
9. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Canh mua tại nhịp rung lắc mạnh

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1498.89	-0.40%
GTGD/phần (tỷ VND)	25,654.57	30.79%
Khối ngoại (tỷ VND)	-13.79	
HNX-INDEX	440.16	-0.19%
GTGD/phần (tỷ VND)	3440.94	78.33%
Khối ngoại (tỷ VND)	-72.14	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4368.79	1.87%	-0.26%	0.98%
EU (EURO STOXX)	3970.69	3.69%	-2.54%	-4.02%
China (SHCOMP)	3451.41	0.63%	0.63%	-2.02%
Japan (NIKKEI)	26476.50	1.95%	-2.78%	-1.98%
Korea (KOSPI)	2676.76	1.06%	-2.44%	-1.60%
Singapore (STI)	3294.47	0.56%	-3.92%	0.70%
Thailand (SET)	1679.90	1.03%	-1.94%	2.80%
Phillipines (PCOMP)	7212.23	-2.06%	-3.05%	-0.57%
Malaysia (KLCI)	1591.72	1.13%	-0.71%	5.01%
Indonesia (JCI)	6888.17	1.03%	-0.07%	4.19%
Vietnam (VNIndex)	1498.89	0.27%	-0.40%	1.77%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phần	HĐM^ / phần
VN30F2112	0.00	-100.00%	22,180	24,916
VN30F2201	0.00	-100.00%	46	186
VN30F2203	1517.00	-0.62%	26	573
VN30F2206	1506.70	-1.30%	17	273

TTCK VIỆT NAM

Áp lực tâm lý còn khiến khiến thị trường biến động phức tạp ngắn hạn

Thông tin xung đột Nga – Ukraine đã nhấn chìm nỗ lực kiểm tra đỉnh kỷ lục. VN-Index dù vậy vẫn tích lũy nhanh sau một phiên rung lắc, và chỉ ghi nhận mức giảm nhẹ -0.4% với thanh khoản cải thiện nhờ hoạt động bắt đáy. Thị trường phân hóa mạnh với 9/19 ngành tăng trong khi có 203 cổ phiếu giảm so 183 cổ phiếu tăng. Ngành dầu khí, bán lẻ, viễn thông, hóa chất có mức tăng tốt trên 3%; ở chiều ngược lại Du lịch và giải trí, tài nguyên cơ bản và bất động sản giảm sau 1 tuần tăng tốt. Diễn biến xung đột đang là thông tin thu hút sự chú ý và thị trường rất khó kỳ vọng có nhịp tăng mạnh trong ngắn hạn. Thị trường tiếp tục dự báo vận động trong khoảng 1,485 – 1,515 điểm trong tuần tới và không loại trừ còn những nhịp rung lắc mạnh.

Thủ tướng ký quyết định thành lập Ban chỉ đạo triển khai dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông và dự án cảng hàng không Quốc tế Long Thành. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, điều hòa phối hợp và đôn đốc thực hiện các dự án trọng điểm theo Nghị quyết Quốc hội và Chính phủ. Trước đó NHNN cũng họp lấy ý kiến dự thảo Nghị định và Thông tư hướng dẫn về gói hỗ trợ lãi suất. Đây là những chuyển biến mới trong quá trình triển khai và giải ngân gói chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ phục hồi kinh tế đã được Quốc hội thông qua vào đầu tháng 1.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK thế giới chao đảo trước thông tin xung đột Nga – Ukraine, nhiều hàng hóa tăng giá mạnh (Tham khảo chuyên đề báo cáo tuần)

TTCK thế giới chao đảo trước thông tin xung đột Nga – Ukraine. TTCK các nước phát triển có mức giảm bình quân trên -4%, các nước khu vực có mức giảm -1.5% trong khi CK Nga giảm -32.6%. Tác động này cũng rõ rệt lên thị trường hàng hóa. Chỉ số Bcomp Index tăng 3.3%, với mức tăng của hầu hết hàng hóa trong đó phải kể đến mức tăng 16% của Lúa mì trong khi quặng sắt và thép cán nóng đi ngược chiều giảm -11%. Chỉ số USD Index tăng 1%, mức biến động không rõ rệt ngoại trừ tăng giá 7.8% so với đồng Rub (Nga). Xung đột Nga – Ukraine và đòn trừng phạt đang tạo hiệu ứng tiêu cực trên các thị trường và chưa sớm bình ổn trong ngắn hạn.

Hoa Kỳ cùng 27 nước EU và G7 tham gia trừng phạt Nga sau khi nước này phát động tấn công các địa phương ở Ukraine. Các biện pháp trừng phạt gồm: (1) Hạn chế giao thương quốc tế nga bằng ngoại tệ USD, EUR, Bảng, yên; (2) Chặn nguồn cung ứng tài chính giúp phát triển quân đội nga; (3) Làm suy yếu khả năng cạnh tranh nga trong nền kinh tế công nghệ cao thế kỷ 21 và (4) Hoa Kỳ trừng phạt các ngân hàng Nga. Hoa Kỳ không đưa quân đến vùng đột và chưa có kế hoạch hội đàm với Nga. Các động thái trừng phạt và nguy cơ xung đột và căng thẳng kéo dài sẽ ảnh hưởng đến nhiều mặt hàng lương thực như lúa mì, lúa mạch; kim loại như đồng, niken và năng lượng, khi 2 quốc gia này đang chiếm tỷ trọng xuất khẩu đáng kể.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ GIỮA NGA - UKRAINE ĐẾN KINH TẾ VÀ TTCK

Ngày 24/02/2022, Tổng thống Nga đã phát động chiến dịch quân sự vào Ukraine, điều này đã gây ra tâm lý bất ổn cho thế giới nói chung và thị trường tài chính toàn cầu nói riêng. Doanh nghiệp và thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ cần chú ý gì trong giai đoạn sắp tới?

A. Nhìn lại diễn biến sự kiện Nga sáp nhập Crimea

Ngày 22/02/2014, Nga đã phát động chiến dịch quân sự trên bán đảo Crimea, chiến dịch kết thúc ngày 27/03/2014. Thị trường tài chính và hàng hóa thế giới đã phản ứng như Hình 1.

Kết luận: TTCK Nga giảm 10.47% kể từ khi sự kiện bắt đầu cho đến khi kết thúc sau đó hồi phục trở lại sau 3 tháng. TTCK Mỹ gần như đi ngang trong suốt giai đoạn diễn ra sự kiện và bước vào giai đoạn tăng điểm sau 3 tháng. Trong khi đó TTCK Việt Nam hầu như không chịu tác động từ sự kiện này. Giá dầu có xu hướng đi ngang và tăng nhẹ (từ 1-3 tháng) do đang ở mức nền giá cao, trong khi một số giá hàng hóa khác lại có xu hướng giảm. Ở chiều ngược lại giá Nhôm, lúa mì, lúa mạch phản ứng tương đối tiêu cực với diễn biến.

B. Tình hình xuất khẩu của Nga

Một số hàng hóa quan trọng của Nga

Theo JPMorgan, hiện Nga là một trong nhà cung cấp chủ lực của một số hàng hóa, nguyên liệu thô, cụ thể Nga đang có 11 mặt hàng chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng sản lượng hàng hóa toàn cầu, trong đó đặc biệt có một số hàng hóa, kim loại quý hiếm chiếm tỷ trọng cao như: Palladium, Platinum,...

- **Palladium (45.6%):** Là kim loại quý hiếm có ứng dụng cao trong ngành điện tử, sản xuất ô tô;
- **Platinum (15.1%):** Hay còn gọi là vàng trắng, được sử dụng rộng rãi để làm đồ trang sức;

Năm 2021, tỷ trọng xuất khẩu nhóm Nhiên liệu và năng lượng chiếm trên 63% cơ cấu xuất khẩu của nền kinh tế Nga, tiếp theo là các sản phẩm kim loại và công nghiệp hóa chất, cụ thể như Bảng 1.

Bảng 1: Tình hình mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Nga giai đoạn 2020-2021

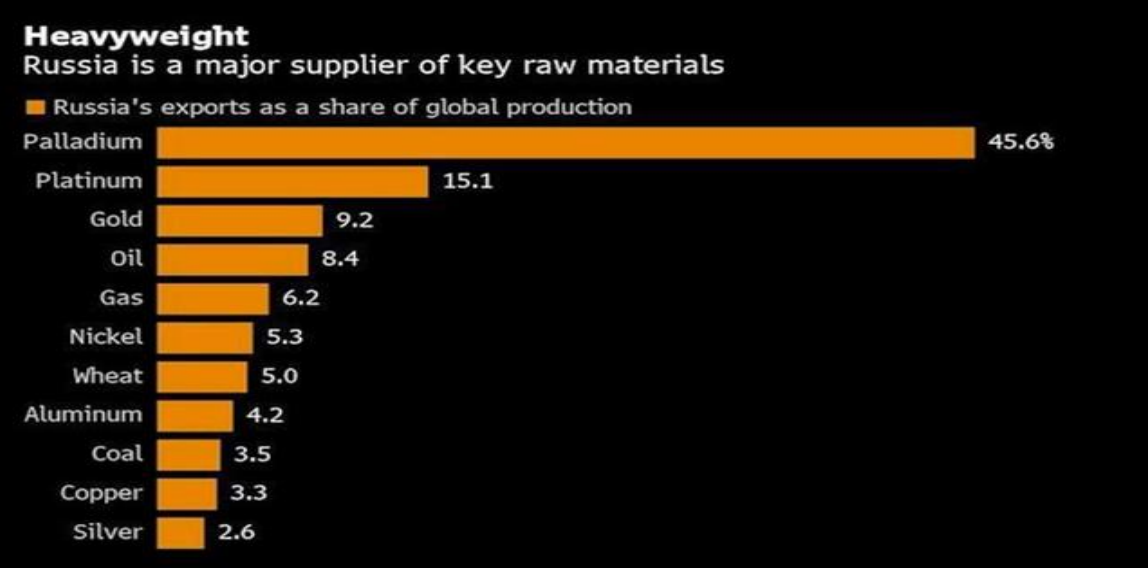
Nhóm mặt hàng	GTKK 2020 (Tỷ USD)	GTKK 2021 (Tỷ USD)	Tỷ trọng trong cơ cấu xuất khẩu	
			2020	2021
Nhiên liệu và năng lượng	198.35	314.43	58.65%	63.73%
Kim loại và sản phẩm từ kim loại	45.88	68.82	10.3%	7.90%
Các sản phẩm công nghiệp hóa chất	28.08	37.85	7.1%	7.70%
Thực phẩm và nguyên liệu sản xuất	29.56	35.89	8.8%	7.30%
Máy móc thiết bị	24.97	32.44	7.5%	7.50%
Gỗ, bột giấy và sản phẩm giấy	12.52	17.2	3.7%	3.50%

Hình 1: Diễn biến TTCK và một số hàng hóa liên quan đến sự kiện Nga sáp nhập Crimea

DIỄN BIẾN TTCK VÀ MỘT SỐ HÀNG HÓA LIÊN QUAN ĐẾN SỰ KIỆN NGA SÁP NHẬP CRIMEA										
STT	Phân loại	Chỉ số/Hàng hóa	Đơn vị	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mốc thời gian				
				22/02/2014	27/03/2014	T+5	1M	3M	6M	12M
1	TTCK Nga	MOEX	điểm	1,488	1,332	1,366	1,299	1,477	1,408	1,572
2	TTCK Mỹ	S&P 500	điểm	1,836	1,849	1,889	1,869	1,961	1,978	2,061
3	TTCK VN	VN-Index	điểm	570.57	590.14	589.44	573.10	578.82	599.78	551.42
4	TT Crypto	Bitcoin	USD/BTC	563.31	513.58	436.23	439.17	576.53	375.22	248.55
5	Năng lượng	Giá dầu Brent	USD/bbl	110	108	106	108	113	97	56
6	Năng lượng	Giá Gas	USD/MMBtu	6.135	4.584	4.470	4.795	4.409	4.154	2.590
7	Kim loại	Giá Vàng	USD/ounce	1,324	1,291	1,287	1,297	1,316	1,216	1,199
8	Kim loại	Giá Palladium	USD/troy	740	761	789	801	843	790	741
9	Kim loại	Giá Platinum	USD/t oz	1,429	1,400	1,442	1,419	1,477	1,308	1,138
10	Kim loại	Thép	CNY/metric tonne	3,418	3,317	3,330	3,416	3,385	2,990	2,556
11	Kim loại	Giá Nhôm	USD/MT	1,740	1,705	1,800	1,799	1,858	1,936	1,782
12	Phân bón	Ammonium Nitrate	USD/metric tonne	317.5	300	285	252.5	265	297.5	247.5
13	Phân bón	Urea	USD/metric tonne	365	320	320	295	300	315	280
14	Phân bón	NPKs	USD/metric tonne	350	350	335	295	316.5	360	267.5
15	Phân bón	Sulphur	USD/MT	934.25	899	881.5	914	920.75	812.75	541
16	Lương thực	Giá lúa mì	USD/bu.	610	711	676	700	585	481	508
17	Lương thực	Ngô	USD/bu.	453	492	500	507.75	443	323	391
18	Lương thực	Lúa mạch	INR/quintal	1,389.0	1,326.5	1,314.0	1,354.0	1,368.0	1,595.0	1,115.0

Nguồn: Bloomberg, BSC research

Hình 2: Tỷ trọng các mặt hàng nguyên liệu thô xuất khẩu của Nga



Nguồn: JPMorgan, Bloomberg

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ GIỮA NGA - UKRAINE ĐẾN KINH TẾ VÀ TTCK

Tình hình xuất khẩu của Nga:

Theo Bộ Công Thương, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nga năm 2021 đạt 7.14 tỷ USD (tăng 25.9% so với năm 2020), đứng thứ 21 trong số các đối tác thương mại chính của Nga. Trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nga đạt 4.89 tỷ USD (tăng 20.9% so với cùng kỳ năm trước) chủ yếu là các mặt hàng như: điện thoại và linh kiện (chiếm khoảng 33%), máy vi tính/sản phẩm điện tử (13%), hàng dệt may (10%)...

Kết luận: Trong những năm qua, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nga chiếm hơn 1% trong tổng kim ngạch XNK của Việt Nam, Việt nam đứng thứ 39 trong các đối tác thương mại của Nga. Sự biến động giá các mặt hàng là nguyên vật liệu đầu vào quan trọng như: xăng, dầu, gas... sẽ là vấn đề cần theo sát trong thời gian tới. Mặt khác, các doanh nghiệp trong những lĩnh vực này có thể sẽ được hưởng lợi khi mặt bằng giá một số loại hàng hóa chung tăng lên trong đó bao gồm các Doanh nghiệp Việt Nam.

C. Tình hình xuất khẩu của Ukraine

Một số hàng hóa quan trọng của Ukraine

Theo Reuters, Ukraine hiện đang chiếm 16% sản lượng ngô và 12% sản lượng lúa mì xuất khẩu toàn cầu, trong đó 36% sản lượng ngô xuất khẩu sang Trung Quốc (giai đoạn 2020-2021) tăng 19% so với năm trước đó. Ngoài ra, một số mặt hàng xuất khẩu lớn khác của Ukraine có thể kể đến như: sắt thép, quặng, dầu mỡ động vật, thực vật... tuy nhiên giá trị xuất khẩu không quá lớn.

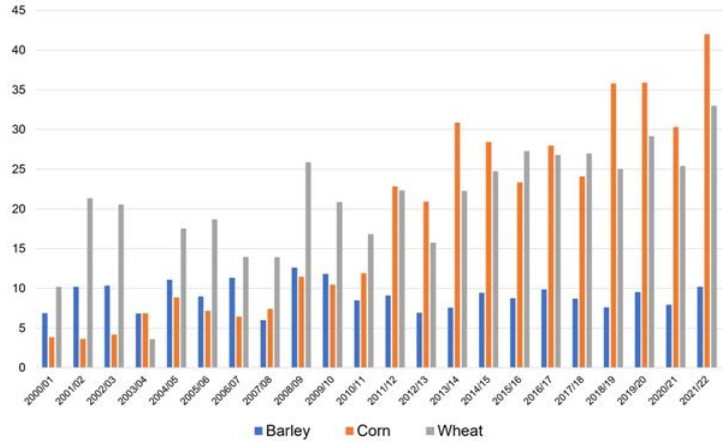
Bảng 3: GTXK một số mặt hàng năm 2020 của Ukraine

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng năm 2020 của Ukraine

Hàng hóa	Tỷ trọng (%)	GTXK 2020 (Tỷ USD)
Ngũ cốc	19.0%	9.42
Sắt và thép	16.0%	7.69
Dầu mỡ động vật, thực vật...	12.0%	5.76
Quặng si và tro	9.0%	4.42
Thiết bị điện, điện tử	5.2%	2.57
Máy móc, nồi hơi...	3.9%	1.92
Ngũ cốc, hạt trái cây...	3.7%	1.84
Thức ăn gia súc, phế liệu...	3.2%	1.58
Gỗ và các sản phẩm bằng gỗ...	2.9%	1.41
Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	1.8%	0.88

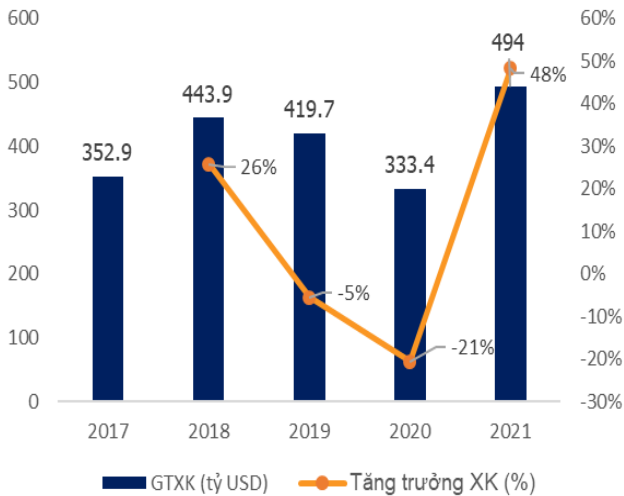
Nguồn: Tradingeconomics

Biểu đồ 2: Sản xuất ngũ cốc của Ukraine (triệu tấn)



Nguồn: USDA, Reuters

Biểu đồ 1: Tình hình xuất khẩu của Nga



Nguồn: Bloomberg, BSC research

Bảng 2: Top 5 thị trường xuất khẩu chính của Nga

Top 5 thị trường xuất khẩu chính của Nga				
Đơn vị: Triệu USD				
Quốc gia	Năm 2020	3Q/2021	Quốc gia	
Trung Quốc	57,092	54,319	Trung Quốc	
Vương Quốc Anh	24,532	24,635	Đức	
Đức	21,889	22,586	Mỹ	
Thổ Nhĩ Kỳ	17,829	21,310	Hà Lan	
Mỹ	16,843	20,178	Thổ Nhĩ Kỳ	

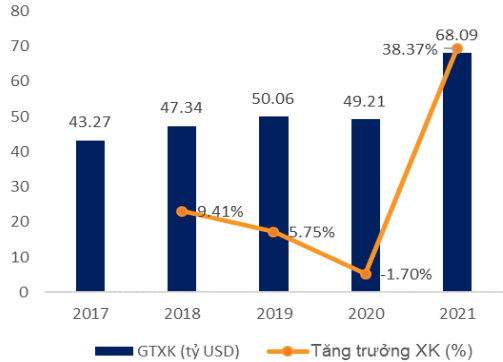
Nguồn: Bloomberg, BSC research

Tình hình xuất khẩu của Ukraine:

Thương mại song phương giữa Việt Nam và Ukraine trong năm 2021 đạt 720 triệu USD (tăng 50% so với năm 2020) nhưng chỉ chiếm 0.1% tổng kim ngạch XNK của Việt Nam.

Kết luận: Xung đột ở Ukraine sẽ không có tác động kinh tế đáng kể tới Việt Nam.

Biểu đồ 3: Tình hình xuất khẩu của Ukraine



Nguồn: Bloomberg, BSC research

Top 5 thị trường xuất khẩu chính của Ukraine

Đơn vị: Triệu USD				
Quốc gia	Năm 2020	3Q/2021	Quốc gia	
Trung Quốc	16,047	14,750	Trung Quốc	
Nga	8,161	7,253	Ba Lan	
Đức	7,443	6,917	Nga	
Ba Lan	6,987	6,162	Đức	
Thổ Nhĩ Kỳ	4,998	5,172	Thổ Nhĩ Kỳ	

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ GIỮA NGA - UKRAINE ĐẾN KINH TẾ VÀ TTCK

D. Tác động của sự kiện đến Việt Nam

Diễn biến căng thẳng leo thang giữa Nga và Ukraine sẽ tác động trực tiếp đến giá cả hàng hóa trên thế giới điều này sẽ tác động đến một số ngành và doanh nghiệp ở Việt Nam. BSC đã có sự chuẩn bị trong 3 tháng gần đây và đã phân tích 1 số ngành được hưởng lợi chính trong các báo cáo, bao gồm:

Báo cáo triển vọng ngành dầu khí:	Link				
Báo cáo ngành Phân bón:	Link				
Báo cáo về xu hướng vận động giá dầu trên thế	Link				
Báo cáo các Doanh nghiệp riêng lẻ như:	PVS	GAS	NLG	DGC	DPM

1. Ngành Dầu khí

Nga là quốc gia xuất khẩu dầu mỏ lớn thứ 3 thế giới sau UAE và Arap Xê út, với tổng sản lượng xuất khẩu dầu mỏ đạt khoảng 10 triệu thùng/ngày. Sự gián đoạn trong các chuyển dầu từ Nga tới các đường ống ở Châu Âu sẽ ảnh hưởng tới nguồn cung năng lượng toàn cầu. Phía Mỹ đang lên kế hoạch ứng phó bằng cách xả kho dự trữ dầu, nhằm khắc phục nguồn cung trong ngắn hạn. Mặc dù vậy, đây chỉ là biện pháp tạm thời, và khó có thể duy trì trong thời gian dài. Do đó, giá dầu sẽ khó có thể điều chỉnh giảm, và sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong thời gian tới.

Giá dầu duy trì ở mức cao, nhìn chung sẽ tác động **KHẢ QUAN** lên nhóm ngành dầu khí. Trong đó:

+ **Đối với nhóm thượng nguồn**, BSC kỳ vọng các dự án thăm dò, khai thác sẽ sôi động trở lại nhờ nhu cầu khai thác tăng, và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khoan, xây lắp giàn khoan, kho nổi như **PVS** và **PVD** dự kiến có được các hợp đồng mới với giá trị cao hơn.

+ **Đối với nhóm trung nguồn**, nhu cầu vận tải dầu năm 2022 dự kiến sẽ gia tăng khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hóa dầu từ các dự án Dung Quất, Nghi Sơn hồi phục. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu LNG sẽ tiếp tục thúc đẩy việc xây dựng hệ thống kho chứa. PVT hiện chiếm toàn bộ thị phần vận tải dầu thô và LPG trong nước, còn **GAS** đang đầu tư vào các dự án LNG Thị Vải GD 2 và LNG Sơn Mỹ GD 1 nhiều tiềm năng trong thời gian tới.

+ **Đối với nhóm hạ nguồn**, BSC khuyến nghị khả quan đối với cổ phiếu **PLX, OIL** nhờ kỳ vọng sản lượng xăng dầu phục hồi cùng giá bán tăng, và triển vọng thoái vốn tại PGBank. Bên cạnh đó, **BSR** cũng sẽ được hưởng lợi nhờ chênh lệch giữa giá sản phẩm và giá dầu thô nguyên liệu (crack spread) tăng, giúp cải thiện lợi nhuận.

2. Ngành Phân bón

Động thái cấm xuất khẩu Amoni nitrat (NH4NO3) của Nga có thể đẩy giá phân đạm trên toàn cầu tiếp tục tăng. Hiện nay, sản lượng Amoni nitrat xuất khẩu của Nga đạt khoảng 15 triệu tấn/năm, chiếm 75% nguồn cung toàn thế giới. Bên cạnh đó, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách hạn chế xuất khẩu phân bón nhằm đảm bảo nguồn cung nội địa, trong bối cảnh thiếu hụt năng lượng và chi phí nguyên liệu đầu vào (khí, than) tăng cao. Điều này sẽ khiến tình trạng thiếu hụt nguồn cung nghiêm trọng thêm, và đẩy giá các loại phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao.

Do đó, BSC khuyến nghị khả quan đối với cổ phiếu DPM và DCM, nhờ kỳ vọng sản lượng xuất khẩu phân bón tăng cùng giá bán tiếp tục duy trì ở mức cao.

3. Ngành Thép

Nga đang xếp thứ 2 về xuất khẩu thép vào EU (Sau Thổ Nhĩ Kỳ). Tỷ trọng khoảng 14.1% đối với thép dẹt và 19% đối với thép dài.

Tỷ trọng xuất khẩu vào EU của một số bên liên quan:

- Ukraine: 8% thép dẹt và 7.4% thép dài
- Belarus: 14.4% thép dài
- Trung Quốc: 5.7% thép dẹt và 5.8% thép dài

Nếu lượng xuất khẩu này bị cắt giảm do cấm vận thì sẽ tạo cơ hội cho các nhà xuất khẩu khác vào thị trường này, đặc biệt với nhóm tôn mạ hiện đang xuất nhiều sang thị trường này (NKG, HSG). Hiện tại HPG không xuất nhiều thép xây dựng sang EU.

BSC có quan điểm **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu của các công ty xuất khẩu thép lớn, đặc biệt là nhóm tôn mạ có xuất khẩu vào EU (**NKG, HSG**) do có thể hưởng lợi nếu EU cắt giảm nhập khẩu thép từ Nga và Belarus, Ukraine không duy trì sản xuất được do chiến tranh. Điểm cần lưu ý: EU vẫn áp hạn ngạch nhập khẩu (> 3% sẽ tăng bước thuế) lên các quốc gia xuất khẩu vào đây, hiện Việt Nam đang chiếm tỷ trọng 2% nhập khẩu thép dẹt của khối này.

4. Ngành chăn nuôi

Giá nông sản tăng đột biến: Nga và Ukraine lần lượt là hai nước xuất khẩu lúa mì thứ nhất là thứ ba thế giới, cả hai nước chiếm gần 1/3 thương mại thế giới về lúa mì khiến giá lúa mì tăng +17.8% so với thời điểm trước chiến tranh. Ngoài ra, Ukraine cũng đứng thứ tư trong số các nước xuất khẩu ngô, chiếm 22% kinh ngạch thương mại thế giới của nông sản này khiến giá của sản phẩm ngô tăng 8.4% so với giai đoạn trước sự kiện này.

BSC đánh giá sự kiện chiến tranh giữa Nga và Ukraine sẽ ảnh hưởng **TIÊU CỰC** đến nhóm ngành chăn nuôi khi giá nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng cao trong khi đặc thù ngành khó có thể chuyển mức tăng chi phí vào giá bán. Một số cổ phiếu có thể bị ảnh hưởng: **DBC, VLC**.

PTKT VN-INDEX: Biên độ dần thu hẹp, VN-Index biến động từ 1,485 - 1,515 điểm

Đồ thị ngày: Sau 1 tuần tăng điểm tích cực, diễn biến giằng quay trở lại với VN-Index khi chỉ số vận động quanh 1,500 điểm. Chỉ số có phiên rung lắc mạnh ngày 24/2 khi xuyên thủng SMA 50 tại 1,480 điểm trước thông tin bất lợi về cuộc xung đột Nga – Ukraine nhưng kịp hồi phục thu hẹp mức điểm giảm với cây nến rút chân đồng thời với sự gia tăng mạnh của thanh khoản. Điều này cho thấy lực cầu bắt đáy khá mạnh ở vùng thấp, dù vậy chỉ số lại suy yếu khi tiếp cận vùng giá cao trên 1,510 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở mức trung tính, diễn biến giằng co với biên độ rộng còn có thể tiếp tục diễn ra khi thông tin từ quốc tế vẫn là yếu tố tác động mạnh lên tâm lý thị trường trong ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI giảm từ 55 xuống 52.
- MACD duy trì trên đường tín hiệu và ngưỡng 0.
- VN-Index giữ trên SMA20 và SMA50

Nhận định: VN-Index vẫn duy trì trên các đường trung bình động SMA 20, SMA50 sau những nhịp rung lắc mạnh. Dòng tiền bắt đáy ở nhịp giảm sau quay trở lại dù vậy trạng thái tích lũy còn kéo dài khi các yếu tố hỗ trợ chưa đủ sức lấn át yếu tố tiêu cực. Lực cầu còn sẽ phải kiểm chứng vào giữa tuần sau khi lượng hàng bắt đáy về tài khoản trước khi có thể hình thành vùng tích lũy chắc chắn hơn với biên độ biến động hẹp dần. VN-Index dự báo còn tiếp tục vận động 1,485 – 1,515 điểm trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: Hoa Kỳ và các nước đồng minh cấm vận kinh tế Nga

VIỆT NAM:

- Bộ Giao thông Vận tải kiến nghị không tiếp tục đề xuất sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản để đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60, giao Bộ Kế hoạch & Đầu tư thông báo cho phía Nhật Bản và chính thức đưa dự án vào chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng hơn 8.000 tỷ đồng.
- Bộ Công Thương vừa có văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư về việc sẽ bán đấu giá một lô hàng dự trữ quốc gia 101,97 triệu lít xăng RON92, tại 12 điểm kho dự trữ của 3 doanh nghiệp Petrolimex, PV Oil và công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp. Số tiền thu được sau bán đấu giá gần 102 triệu lít xăng RON92 ít nhất đạt trên 1.400 tỷ đồng.
- Theo số liệu từ Cục Hàng hải Việt Nam, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 2/2022 ước đạt 53 triệu tấn. Như vậy, lũy kế 2 tháng đầu năm, lượng hàng hóa qua cảng biển Việt Nam ước đạt 116 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 16% kế hoạch năm. Trong đó, hàng xuất khẩu ước đạt 13,5 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2021. Hàng nhập khẩu ước đạt 14,9 triệu tấn, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2021. Hàng nội địa ước đạt 24,4 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2021.
- Cục Hàng không Việt Nam vừa cho biết trong tháng 2, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam điều hành 60.500 chuyến, tăng 157% so với cùng kỳ 2021. Trong số này, có 13.200 chuyến bay quá cảnh, tăng hơn 67% so với cùng kỳ năm trước. Lượng khách thông qua các cảng hàng không trên cả nước đạt hơn 6,1 triệu lượt, tăng gần 58% so với tháng 2/2021. Trong đó, 105.000 khách quốc tế, tăng 350% so với tháng 2/2021. Khách nội địa đạt hơn 6 triệu, tăng hơn 56% so với tháng 2/2021.
- Bộ Tài chính ước tính sau 3 năm đại dịch "càn quét", tổng giá trị từ các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn lên tới 328.000 tỷ đồng. Trong đó, số tiền doanh nghiệp, người dân được miễn, giảm khoảng 110.500 tỷ đồng và số tiền được gia hạn khoảng 217.500 tỷ đồng.

THẾ GIỚI:

- Chỉ số PMI của Eurozone cho ngành dịch vụ đã tăng lên 55,8 từ 51,1, mức cao nhất trong 5 tháng và cao hơn tất cả các dự báo trong một cuộc thăm dò của Reuters. Chỉ số PMI sản xuất nhanh của khu vực đồng euro cho các nhà máy được ghi nhận chỉ giảm từ mức 58,7 của tháng Giêng, xuống còn 58,4.
- Trong tháng 2, dư nợ cho vay thế chấp nhà tại Nhật là 216.000 tỷ Yên (tương đương 1.900 tỷ USD) – tăng 5% trong hai năm, đưa nợ hộ gia đình tăng 4% lên 346.000 tỷ Yên, theo NHTW Nhật Bản (BOJ).
- Tính đến thời điểm hiện tại, Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và Anh tuyên bố nhằm vào các ngân hàng và giới tinh hoa của Nga, trong khi Đức đình chỉ quy trình phê chuẩn đường ống dẫn dầu Dòng chảy phương Bắc (Nord Stream) 2 từ Nga. Ba quốc gia Australia, Canada, Nhật Bản cũng đã công bố các biện pháp trừng phạt Nga, bao gồm đóng băng ngân hàng, cấm giao dịch tài chính, cấm việc phát hành trái phiếu Nga, hạn chế xuất cảnh, trừng phạt các Nghị sĩ Nga...
- Sau khi Nga khởi động “chiến dịch quân sự” đặc biệt vào Ukraine, đồng USD tăng hơn 10% so với đồng Rúp, qua đó đẩy đồng nội tệ của Nga xuống mức thấp nhất trong lịch sử so với USD. Đồng Rúp đang giao dịch ở mức 89.8903 đối 1 USD vào ngày 24/02. Nga hiện đã tạm ngưng giao dịch đối với tất cả thị trường của họ.
- Chính quyền Tổng thống Joe Biden đang cân nhắc phối hợp cùng các nước đồng minh xả kho dự trữ dầu chiến lược một lần nữa nhằm ứng phó với tình trạng giá dầu leo thang do thiếu hụt nguồn cung và căng thẳng Nga-Ukraine.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Công bố các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 2/2022; mùa đại hội cổ đông.
- Diễn biến xung đột Nga - Ukraine.
- Ngày 28/2, Doanh thu bán lẻ Nhật, Australia. 29/2, Chỉ số sản xuất Trung Quốc, Châu Âu, Anh và Hoa Kỳ; GDP Canada. 2/3, Cuộc họp OPEC; NHTW Canada công bố lãi suất; Thay đổi bảng lương phi nông nghiệp và Chủ tịch FED điều trần. 3/3, PMI dịch vụ và tỷ lệ thất nghiệp EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 4/3, Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ và Nhật Bản; Doanh thu bán lẻ EU.



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Tổng kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế								
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
20/2/22	ELC	23.5	28	21.75	23.7	5	0.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
20/2/22	PC1	37.65	42	35	38.1	5	1.20%	Có thể tiếp tục mua
11/2/22	IDJ	29.5	38.3	26.5	31.8	14	7.80%	Có thể tiếp tục mua
30/1/22	PVI	49.2	54	45	49.8	26	1.22%	Có thể tiếp tục mua
30/1/22	HCM	37.15	43	34	37.8	26	1.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

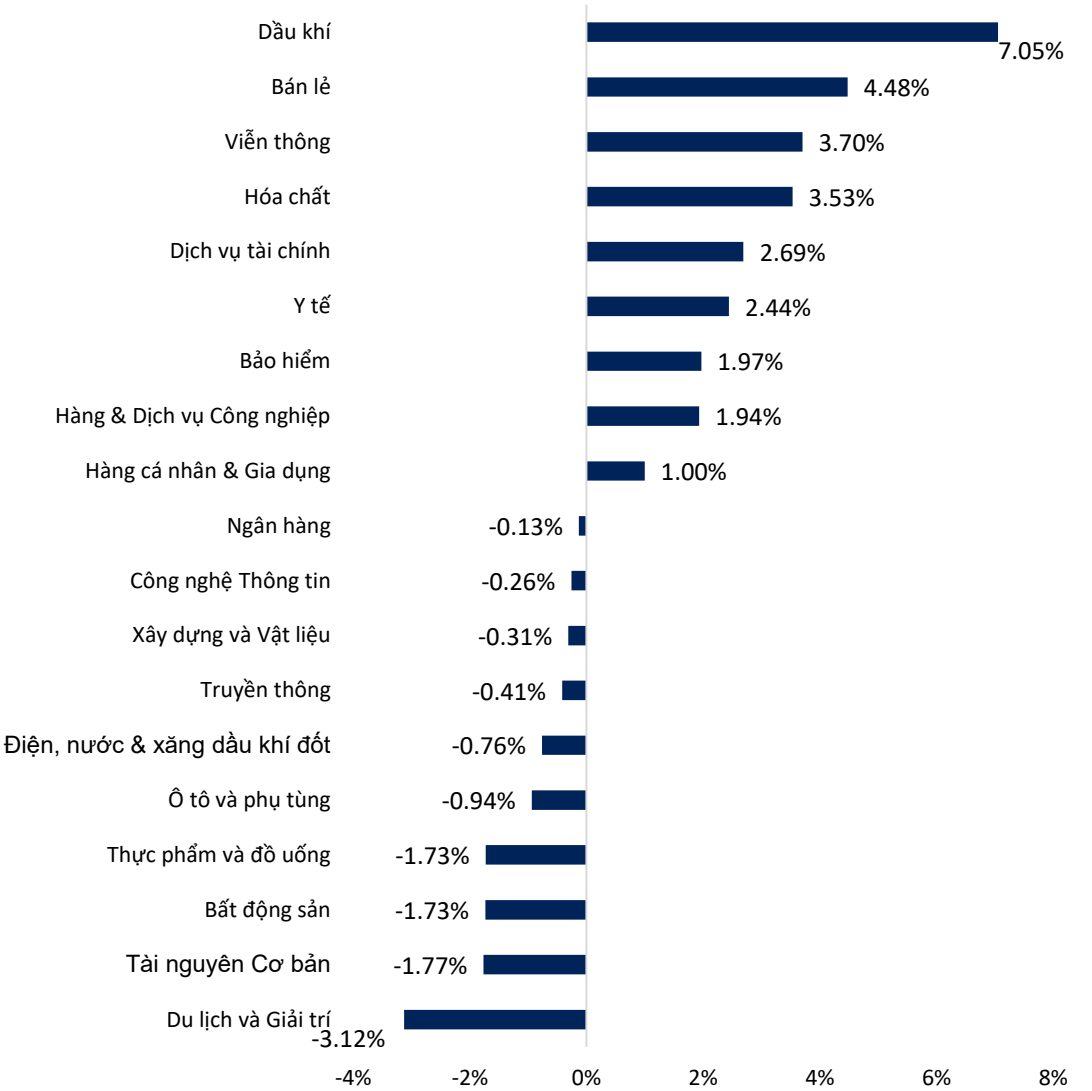
Tổng kê các khuyến nghị đã đóng vị thế								
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	
11/2/22	TDC	26.55	31.7	24.1	SL	16	-9.23%	
30/1/22	VND	69	76	64	TP	28	10.14%	
30/1/22	FRT	87.7	100	81.5	TP	12	14.03%	
12/12/21	TNG	32.8	37.5	30.2	SL	42	-7.93%	
12/12/21	FRT	71.8	94	63	TP	12	30.92%	
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	SL	63	-5.96%	
28/11/21	LCG	20.05	26	18.7	SL	63	-6.73%	
28/11/21	PPP	18.7	21.5	17.3	SL	14	-7.49%	
28/11/21	LIG	17.8	22.8	16.2	SL	14	-8.99%	
10/11/21	SRA	10.8	12.5	9.8	TP	44	15.74%	
9/11/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%	
8/11/21	VSC	41.25	48	40.1	SL	67	-2.79%	
7/11/21	FMC	52.9	61.6	48	SL	77	-9.26%	
31/10/21	MST	19	23.2	17.5	SL	42	-7.89%	
31/10/21	DHG	103.8	116	100.8	SL	26	-2.89%	
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất						
		TP - Đã chốt lời			SL - Đã cắt lỗ			
Thống kê		Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình	
Chưa chốt		5	0	2.56%	0.00%	2.56%	15	
Đã chốt		142	113	15.76%	-8.01%	5.22%	30	



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dầu khí	-2.04%	7.05%	13.78%	PLX	4.35%		
Bán lẻ	0.83%	4.48%	11.03%	MWG	2.69%	PNJ	0.75%
Viễn thông	0.00%	3.70%	7.69%	VGI	-3.34%	FOX	-3.01%
Hóa chất	0.73%	3.53%	11.98%	DRC	1.27%	DGC	7.01%
Dịch vụ tài chính	2.42%	2.69%	12.60%	SSI	1.11%	HCM	0.00%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	91.00	-1.95%	1.07%	7.86%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	96.71	-2.39%	3.39%	8.98%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	271.50	-2.02%	2.51%	10.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,883.87	-1.05%	-0.77%	3.53%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.90	-1.30%	-0.08%	1.58%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,587.50	-4.02%	-0.53%	12.11%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	859.75	-8.02%	6.83%	4.56%		AFX
Sữa	USD/cwt	21.96	-2.44%	-1.74%	5.53%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	261.40	0.97%	3.52%	8.60%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	17.58	-1.84%	-0.90%	-4.51%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	238.60	0.29%	-4.81%	0.19%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	9,864.00	-0.02%	-0.65%	0.64%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,603.00	-2.15%	-2.15%	-2.02%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	3,394.50	3.10%	3.87%	9.78%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	687.00	-2.21%	-2.21%	-6.21%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	237.00	-4.05%	30.33%	21.79%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	757.13	-1.15%	-1.15%	-0.21%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



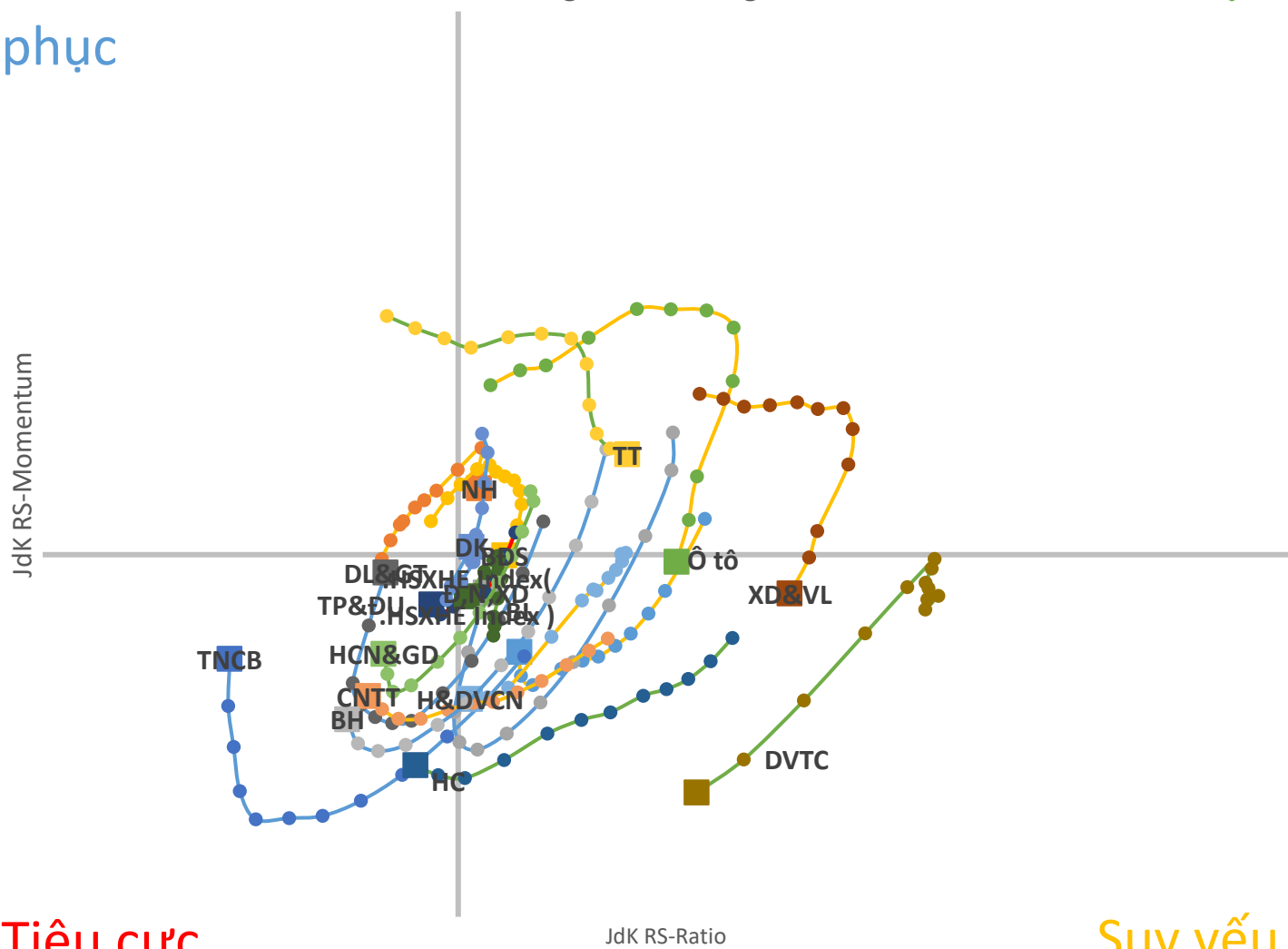
VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Vận động ngành				
Ngành	Ký hiệu	Ratio	Moment	12W%Δ
Ngân hàng	NH	101.021	101.83	-1.4%
Truyền thông	TT	108.1431	102.76	6.4%
Dầu khí	DK	100.6455	100.21	6.2%
Bán lẻ	BL	102.962	97.31	-1.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	Đ,N,XD	101.3331	98.95	10.2%
Bất động sản	BĐS	102.2259	99.98	-2.9%
Ô tô và phụ tùng	Ô tô	110.5174	99.80	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	XD&VL	115.9645	98.92	8.0%
Dịch vụ tài chính	DVTC	111.4813	93.43	-11.8%
Y tế	Y tế	100.42	98.84	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	H&DV CN	100.58	96.01	-7.4%
Tài nguyên Cơ bản	TNCB	89.0085	97.12	-4.5%
Hóa chất	HC	97.95022	94.18	-7.4%
Du lịch và Giải trí	DL>	96.51	99.50	5.7%
Thực phẩm và đồ uống	TP&ĐU	98.73	98.62	-2.6%
Công nghệ Thông tin	CNTT	95.67607	96.09	-7.3%
Bảo hiểm	BH	94.66845	95.45	-10.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	HCN&GD	96.42141	97.26	-3.7%

Hồi
phục

Ma trận tương quan giữa các ngành vs VN-Index

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VPB	0.06407	2.6088
MBB	0.04441	1.41
PLX	0.04348	0.86
VND	0.08322	0.67
MWGG	0.02687	0.66
DXG	0.11054	0.66
DCM	0.12704	0.53
DXS	0.15286	0.49
DPM	0.09776	0.48
TPB	0.02819	0.46605
Tổng		8.82748

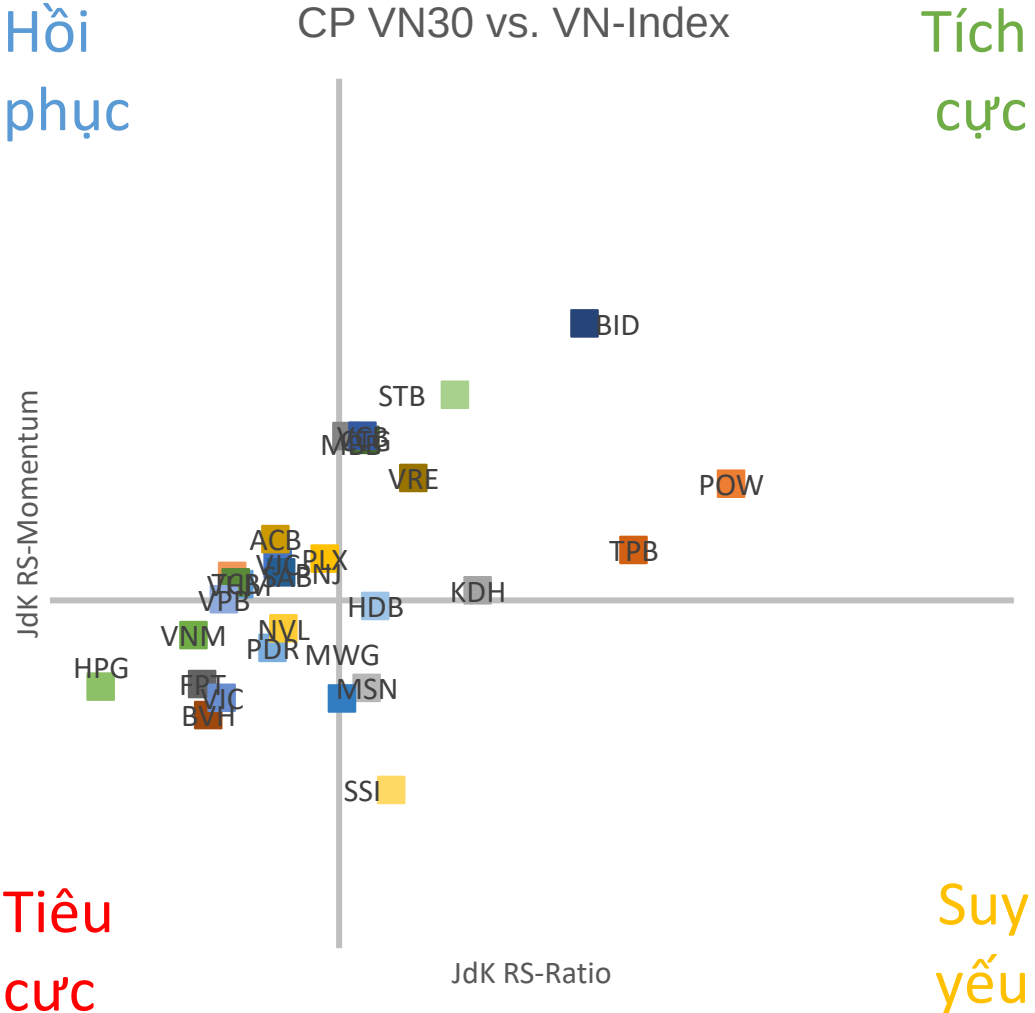
Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-0.03771	-3.02712
VCB	-0.02408	-2.54523
MSN	-0.03246	-1.60479
VHM	-0.01757	-1.56144
HPG	-0.02444	-1.31826
NVL	-0.02803	-1.08768
CTG	-0.02168	-0.92283
VNM	-0.02109	-0.91027
TCB	-0.01744	-0.80941
HVN	-0.05128	-0.79497
Tổng		-14.582

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
DXG	353.38	30.43
VHM	202.88	23.89
KBC	147.33	18.47
KDC	145.55	22.95
GEX	125.12	8.02
GMD	116.14	43.92
DGC	111.86	8.07
HAH	79.01	15.93
DCM	78.59	5.63
VJC	78.38	16.61
Tổng	1,438.22	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HDB	-216.26	16.93
PLX	-160.22	17.20
CTG	-150.63	26.01
FUEVFN	-134.58	
NVL	-130.53	7.10
VNM	-125.83	54.42
HPG	-125.66	23.15
E1VFN3	-117.20	
MSN	-102.89	28.78
TNG	-95.38	6.09
Tổng	-1359.16	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom ¹	12W%Δ
POW	120.3427	103.3437	28.88%
KDH	107.1996	100.2782	14.13%
BVH	93.22783	96.69488	2.08%
VRE	103.8721	103.5069	10.21%
BID	112.7447	107.9579	34.03%
CTG	101.3733	104.6055	5.09%
TPB	115.2854	101.4429	20.49%
MBB	100.4019	104.7158	10.36%
VCB	101.2247	104.7289	12.16%
STB	106.0214	105.9026	7.67%
VHM	94.82974	100.4535	-6.67%
PLX	99.26259	101.1947	17.07%
VJC	96.82957	101.0398	9.92%
PNJ	97.01373	100.7985	15.40%
SAB	94.46764	100.6998	9.42%
ACB	96.70602	101.7509	5.53%
TCB	94.65333	100.5138	-7.65%
GAS	98.88568	100.1852	21.33%
VPB	94.03189	100.0236	0.53%
MSN	101.4487	97.47415	4.80%
MWG	100.1606	97.16702	3.07%
HDB	101.8852	99.83242	-5.65%
SSI	102.714	94.54157	-16.91%
VNM	92.45573	98.99519	-6.51%
FPT	92.91003	97.58716	-7.70%
PDR	96.55537	98.62635	-7.80%
NVL	97.11997	99.18531	-8.30%
VIC	93.91903	97.19256	-25.02%
HPG	87.64804	97.51583	-6.80%
GVR	91.7472	95.11069	-6.85%

Hồi phục



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,466.46	6,797.04	37,442.50
Giá trị bán	1,530.53	6,810.82	35,120.13
Mua / bán ròng	-64.07	-13.78	2,322.40
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	473.53	1,303.05	7,956.44
Giá trị bán	549.21	1,855.82	8,717.85
Mua / bán ròng	-75.68	-552.77	-761.41
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
FUEVFN30	137.41	VHM	-117.98
E1VFN30	112.14	VRE	-88.19
CII	37.67	MWG	-87.19
TCB	27.91	HPG	-77.84
PLX	25.99	FPT	-70.95
HNG	18.70	VPB	-61.66
PVD	11.82	MBB	-40.61
MSN	9.16	VIC	-29.11
GVR	9.09	VNM	-27.39
PTB	6.38	HQC	-26.87

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	546.13	19.75	0.00	-1.27%	0.00	0.00	-10.22
FTSE	375.01	44.96	0.00	-2.08%	-0.50	-6.17	-10.03
iShare	503.35	0.00	0.00	0.00%	0.00	0.00	0.00
E1VFN30	442.49	1.13	-2.00	-1.44%	-0.5	-29.8	-46.6
FUEVFN30	636.84	1.27	0.60	-0.62%	-1.3	18.1	35.1
FUBON FTSE	503.10	0.61	0.00	-0.58%	0.0	54.1	35.9
FUESSVFL	167.73	0.99	0.00	-0.20%	2.5	8.2	18.2
FUESSVN30	4.82	0.83	0.00	-2.49%	0.0	0.1	0.3
FUEMAVN30	30.56	0.79	0.00	-0.59%	0.0	0.0	-0.2
VN100	7.62	0.88	0.00	-0.13%	0.88	0.87	1.57
KIM	181.98	19.57	0.00	-2.04%	0.00	0.00	-9.77
PREMIA	30.38	12.87	0.00	-2.19%	0.00	0.00	-1.32

Nhận định: Các ETF Finlead và VN100 tăng quy mô trong khi FTSE, E1 và Diamond giảm quy mô. Khối ngoại mua ròng tại nhiều nước trong khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

DGW

120.9

Upside 16.63%

CTCP Thế giới số

Xu hướng hiện tại

Hồi phục

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu 141

Giá cắt lỗ 110

Kháng cự 130

Hỗ trợ 108-110

MACD ↑

RSI ↑

Moving Average ↑

Thanh khoản ↑



Nguồn: BSC Research

PHP

26.9

Upside 22.68%

CTCP Cảng Hải Phòng

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu 33

Giá cắt lỗ 24

Kháng cự 27-29

Hỗ trợ 24-25

MACD ↑

RSI ↑

Moving Average ↑

Thanh khoản ↑



Nguồn: BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

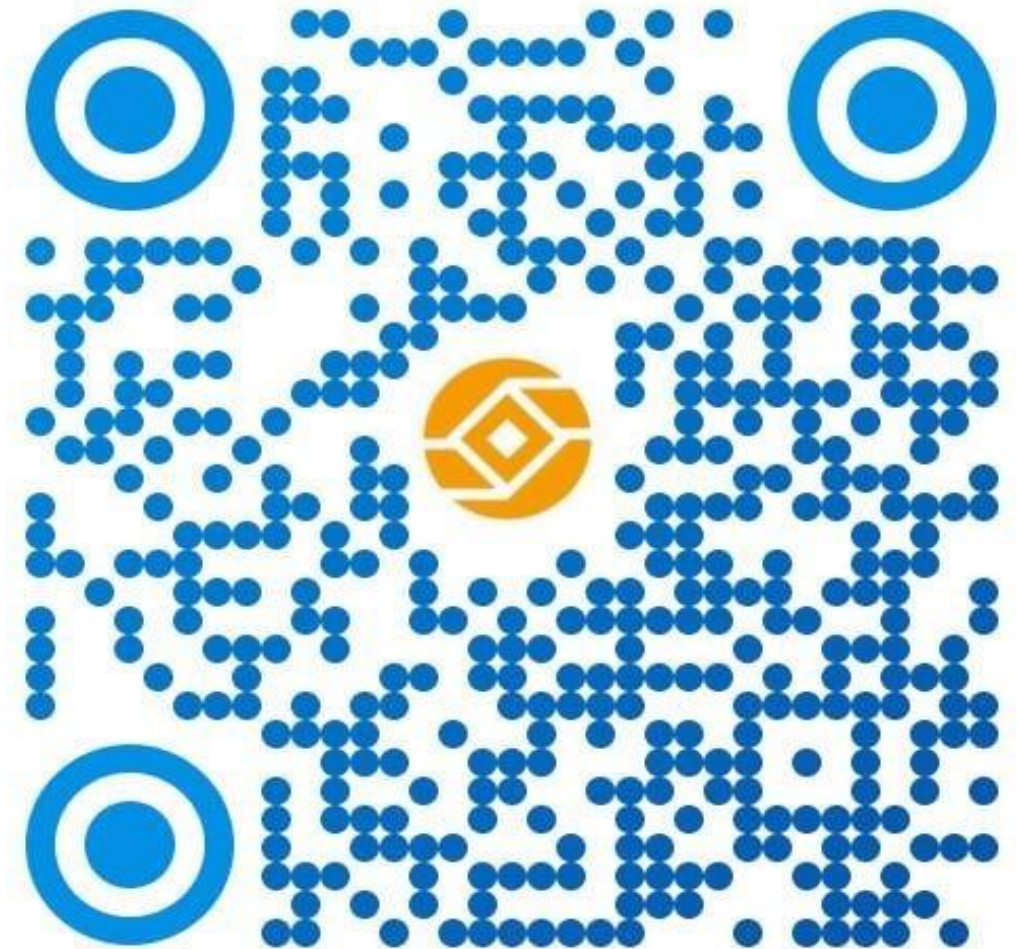
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

